

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn Thép Tiến Lên

Ngày 31/03/2025	5,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	17.0%	-4.8%

DT thuần Q1/25
1,292
tỷ VNĐ
QoQ: ▼485 -27.3%
YoY: ▲ 31.0 2.4%

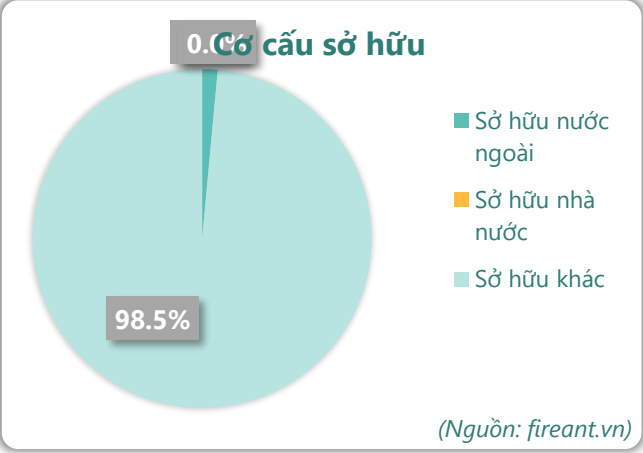
LN thuần Q1/25
2.78
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 317 101%
YoY: ▲ 1.45 109%

LN sau thuế Q1/25
2.98
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 326 101%
YoY: ▲ 2.03 214%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
2.3%
YoY: +/-▲ 17.2%

ROE (TTM) Q1/25
-37.4%
YoY: +/-▲ 0.2%

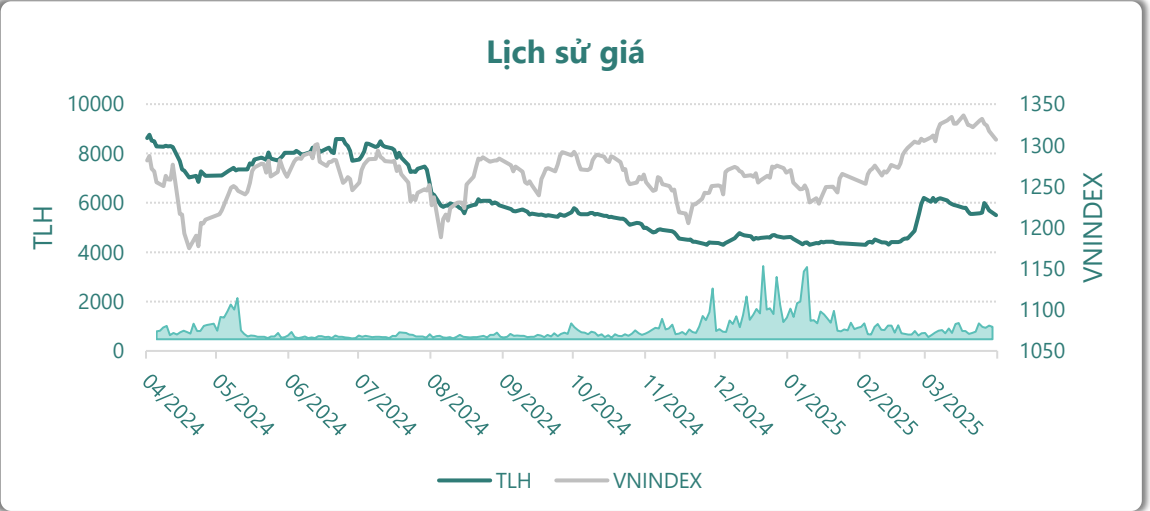
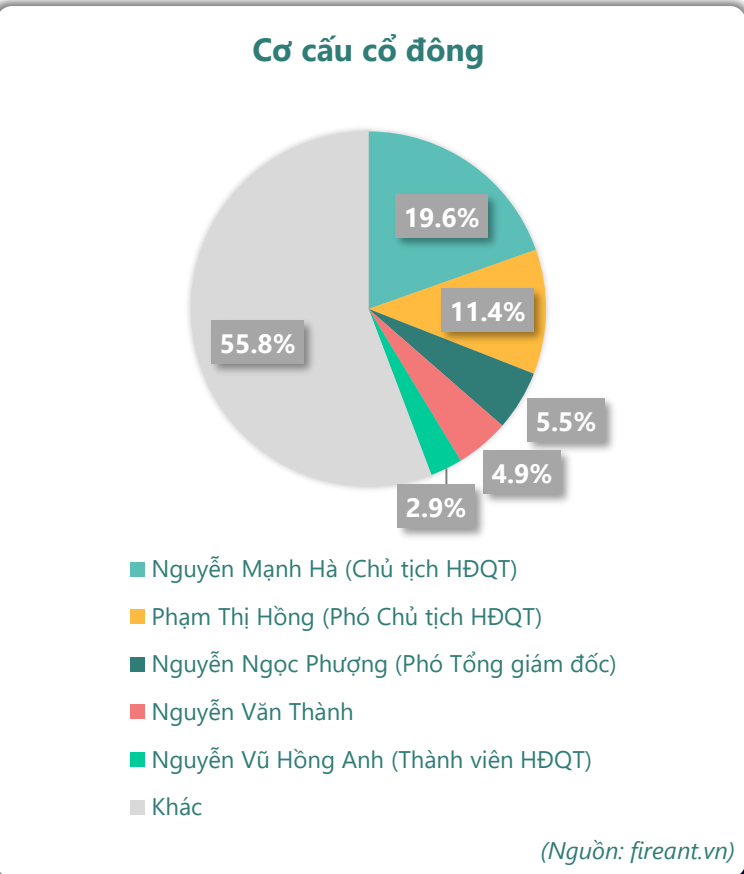
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,300 - 8,760
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	618
Số lượng CPLH (CP)	112,320,017
KLGD BQ 20 phiên (CP)	870,725
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	
EPS	-5,199
P/E	-1.1



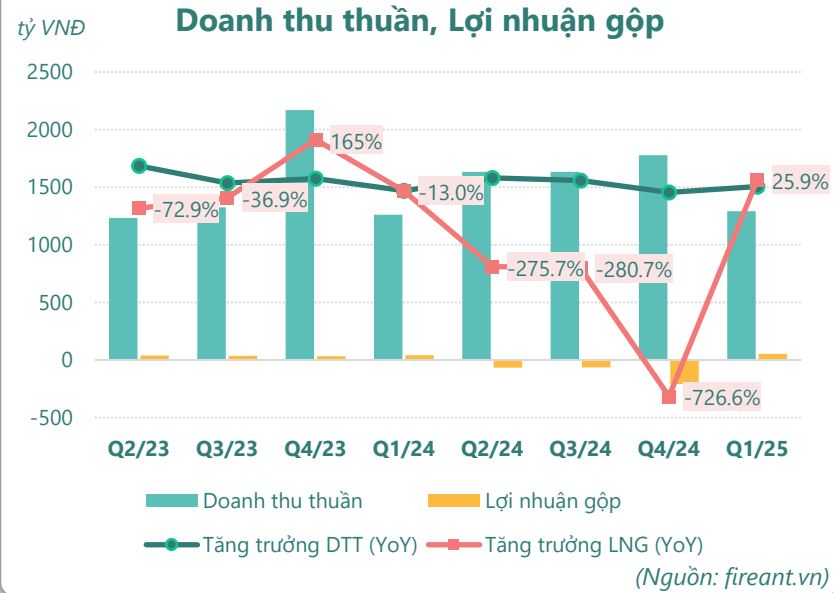
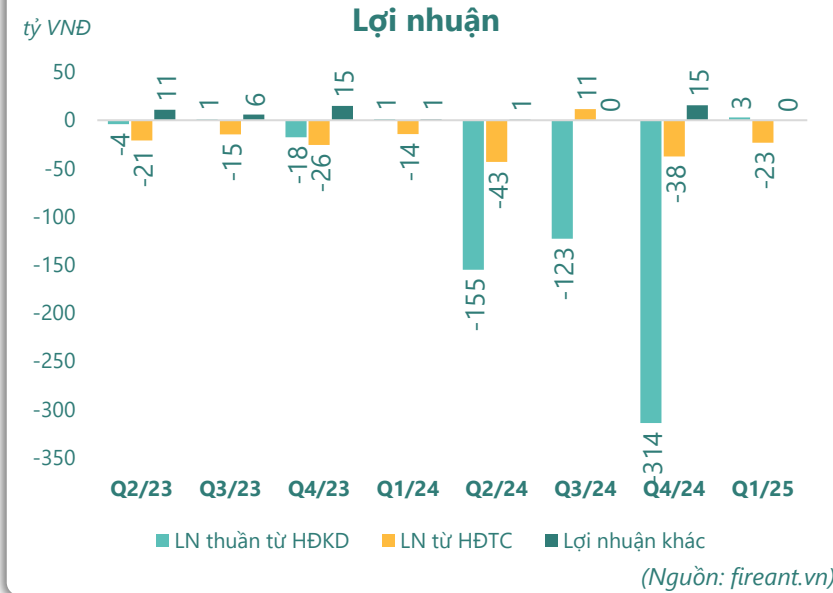
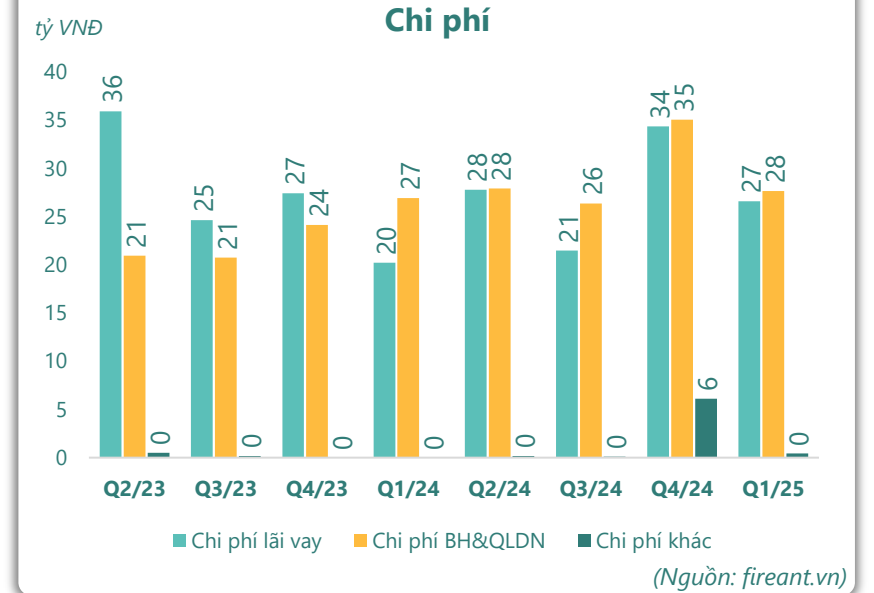
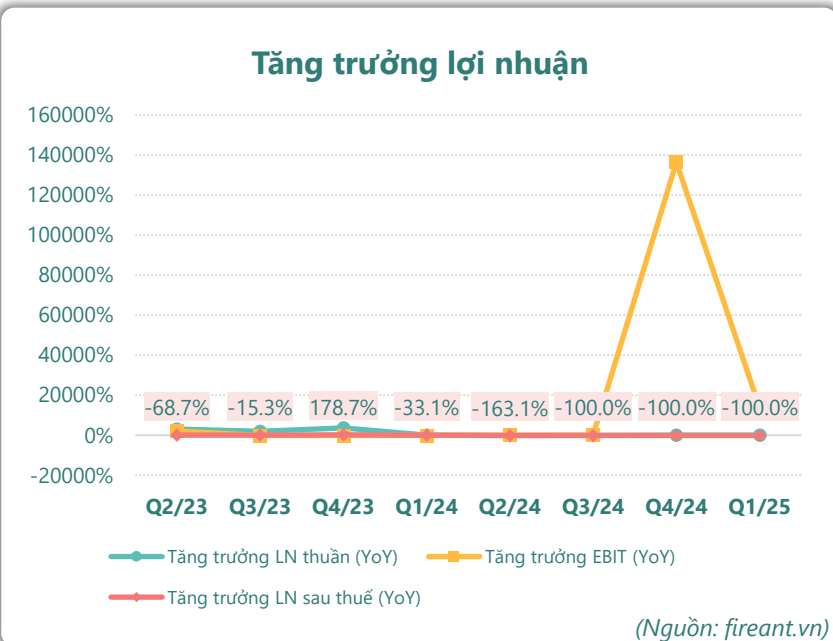
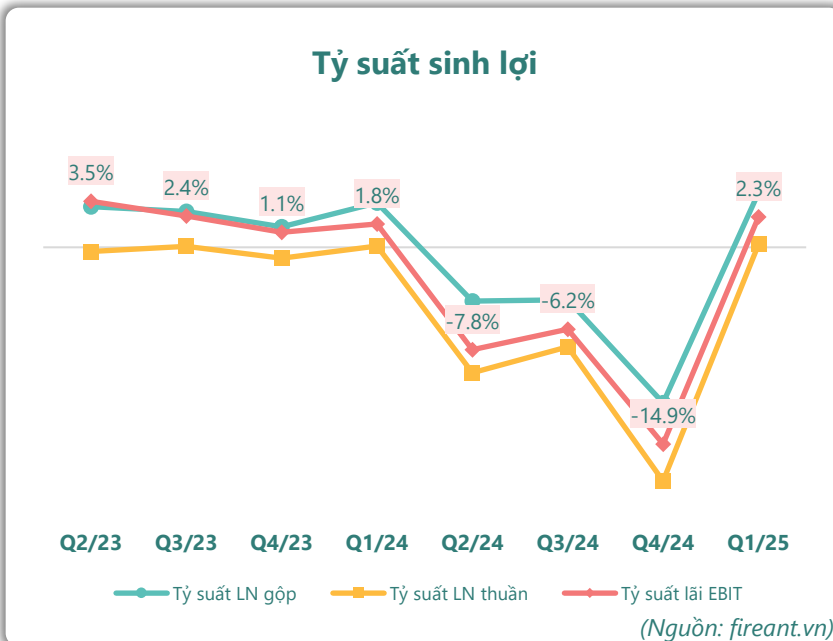
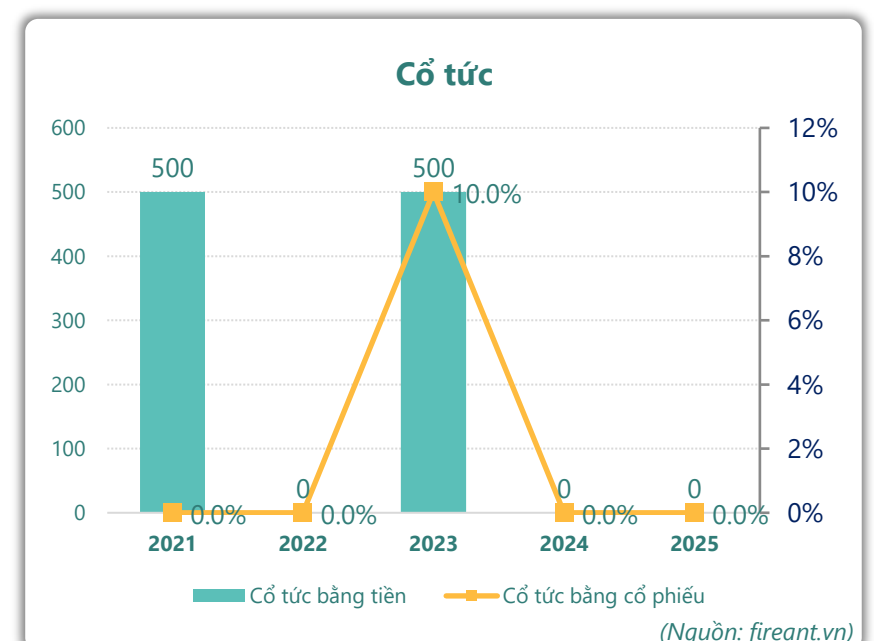
DT thuần 2024
6,305
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 148 2.4%

LN thuần 2024
-591
tỷ VNĐ
YoY: ▼577 -4088%

LN sau thuế 2024
-598
tỷ VNĐ
YoY: ▼602 -14664%

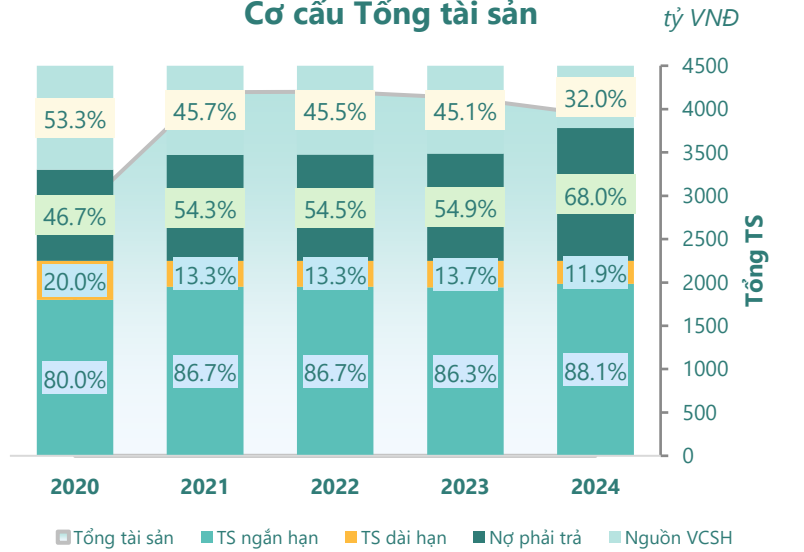


KẾT QUẢ KINH DOANH

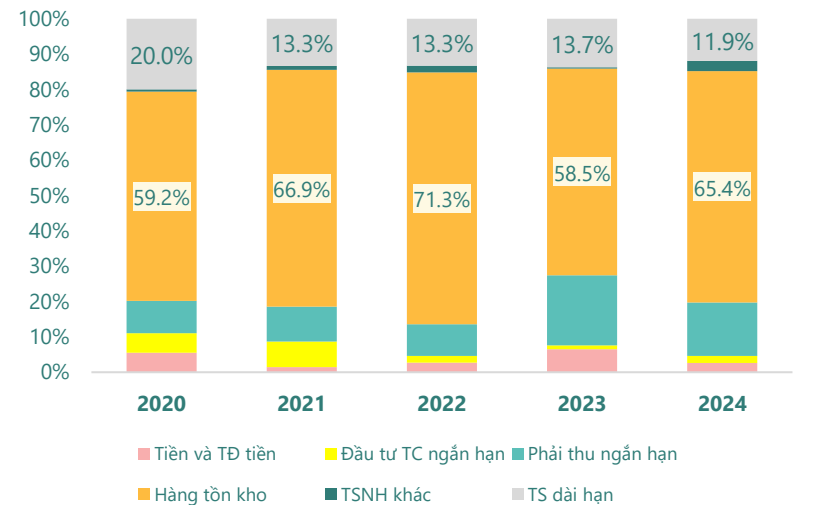


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

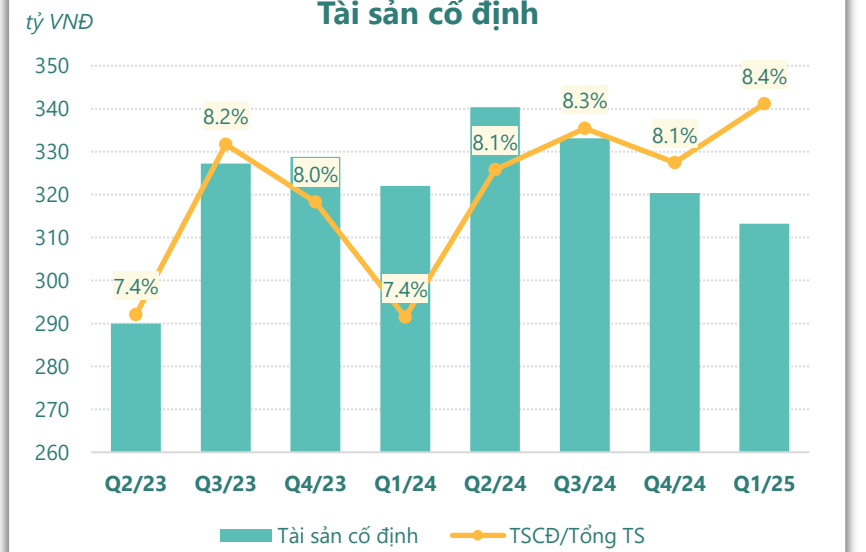
Cơ cấu Tổng tài sản



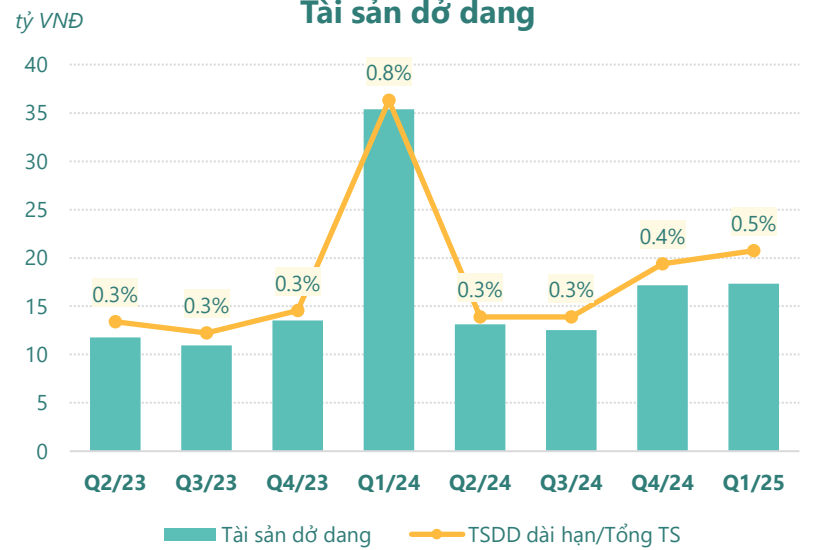
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



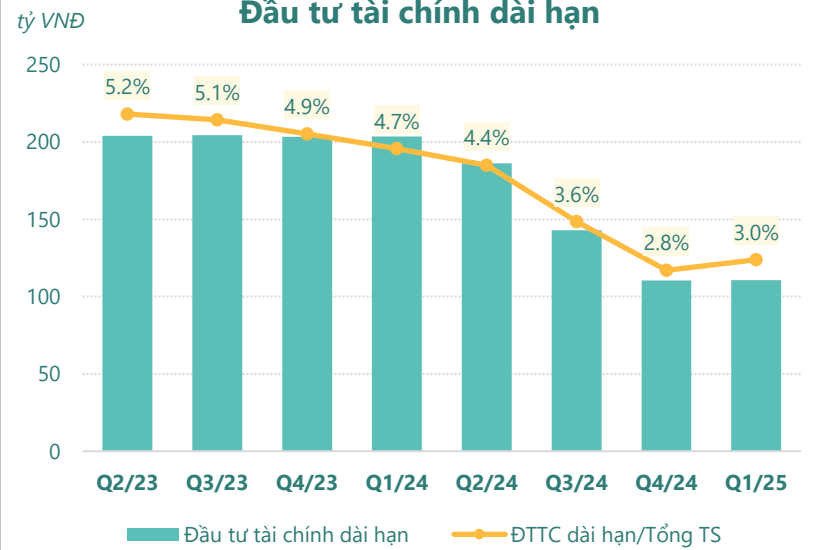
Tài sản cố định



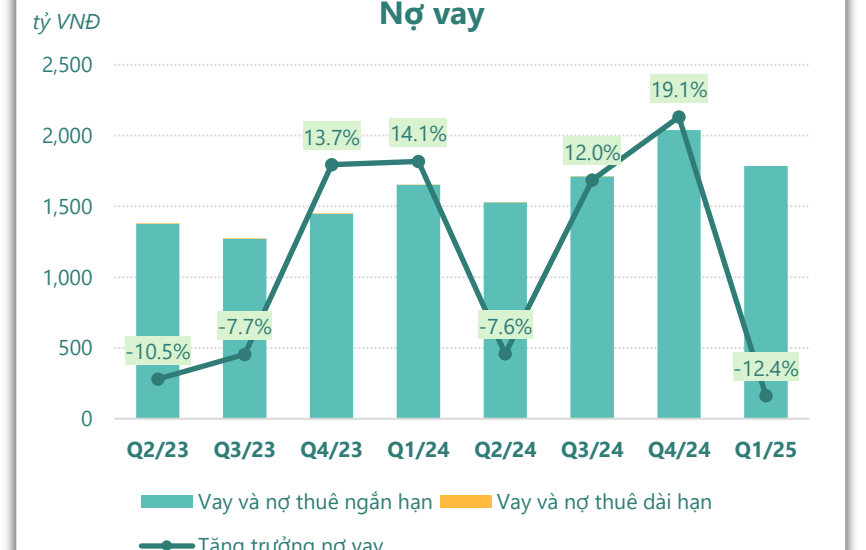
Tài sản dở dang



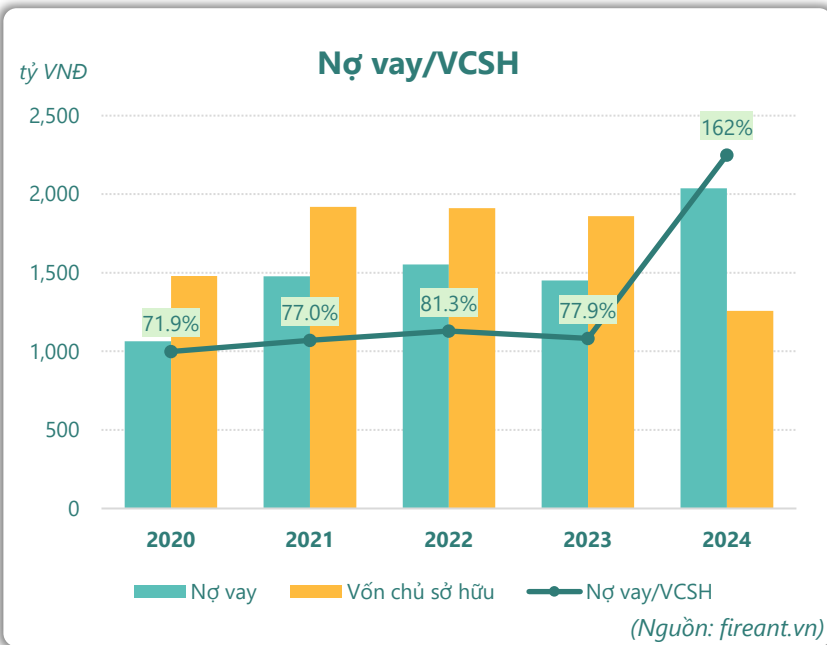
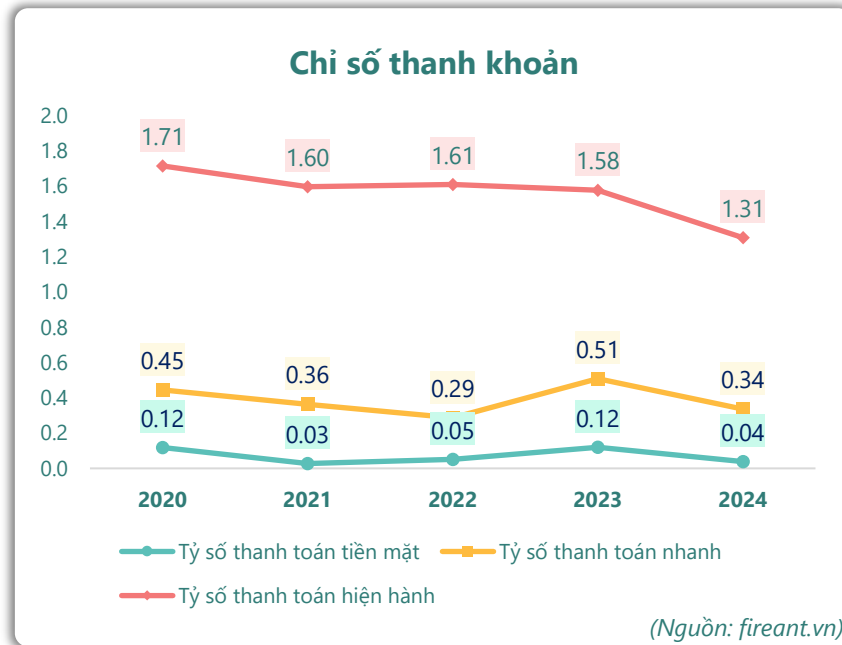
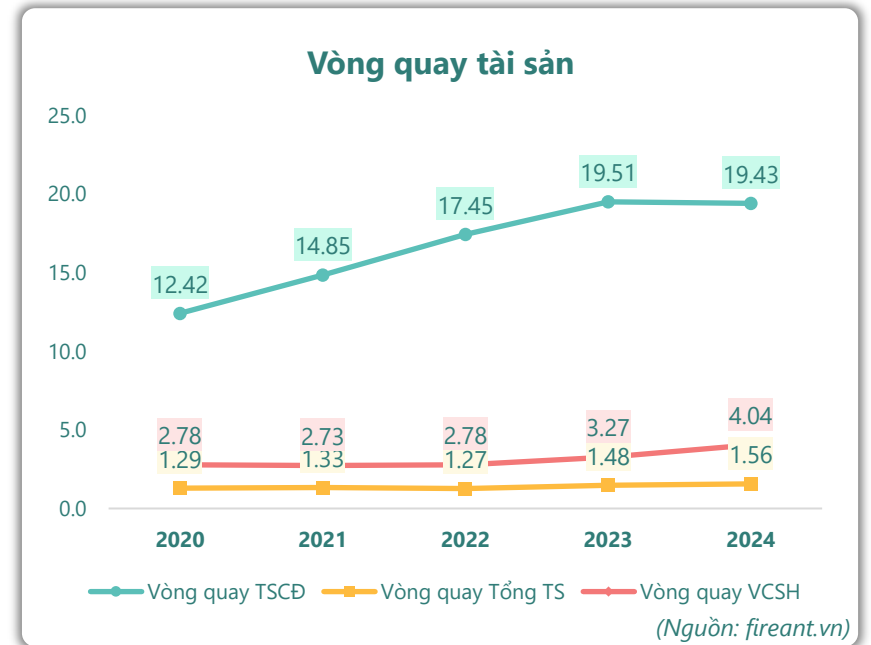
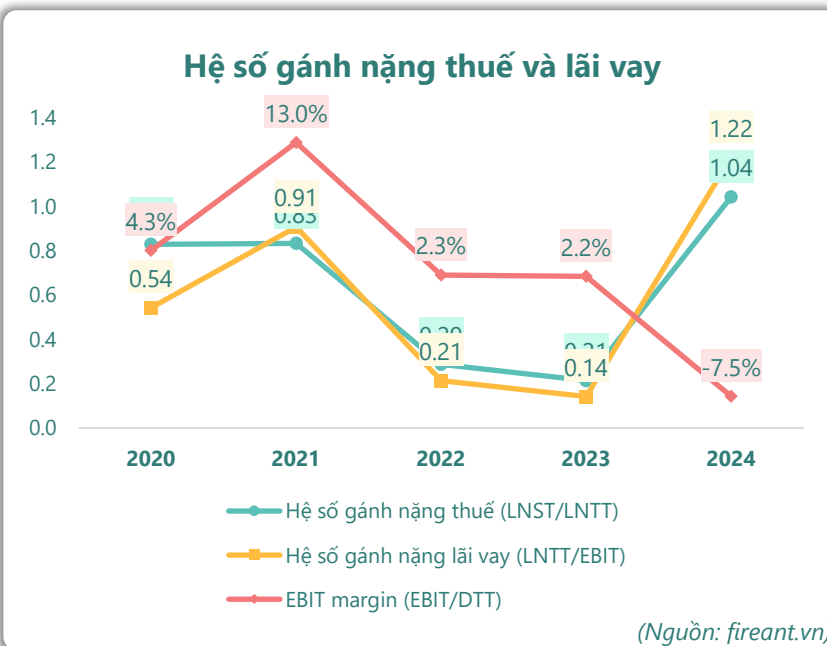
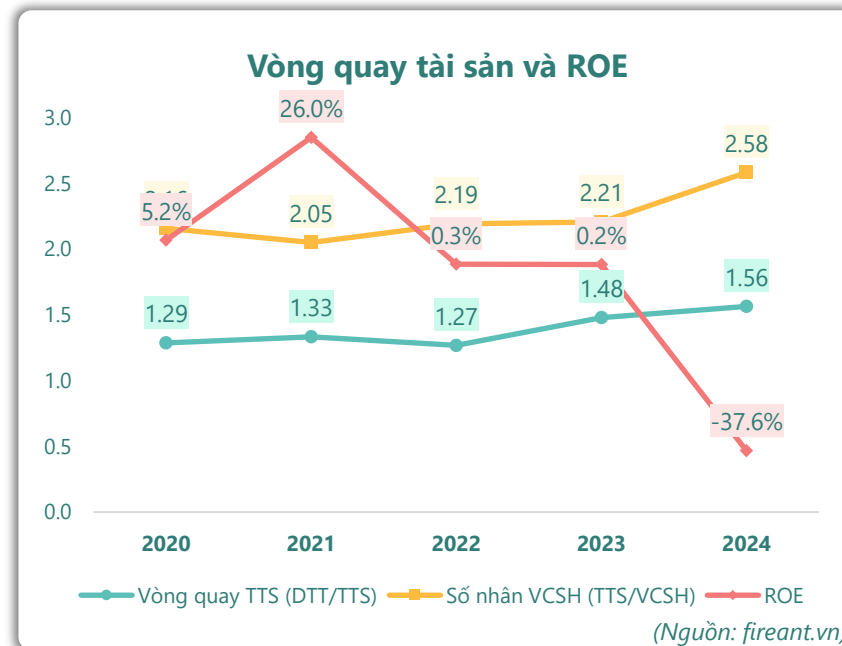
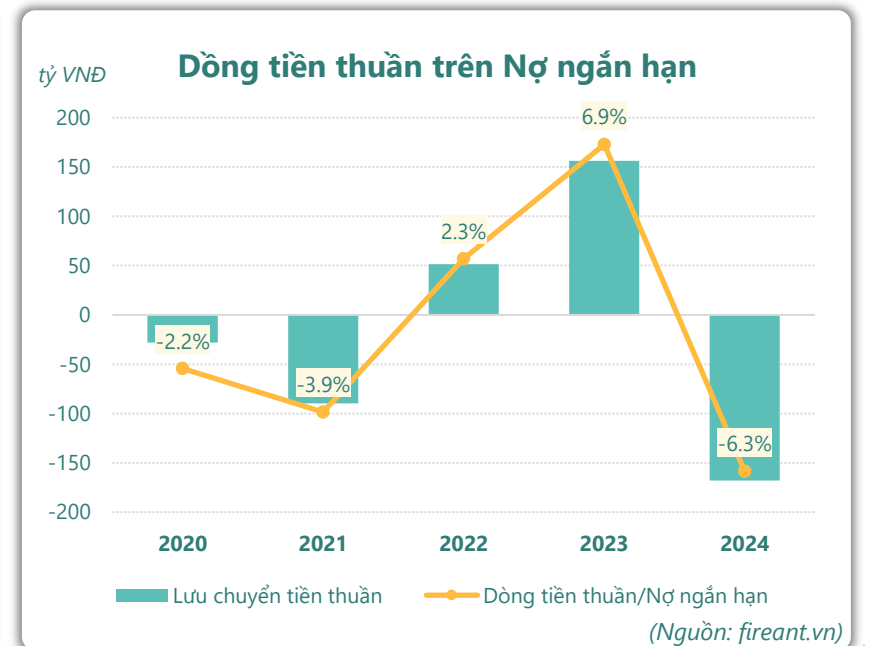
Đầu tư tài chính dài hạn



Nợ vay



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,292	1,261	2.4%	6,305	6,157	2.4%
Giá vốn hàng bán	1,238	1,219	1.6%	6,603	6,002	10.0%
Lợi nhuận gộp	53.3	42.4	25.8%	-298	156	-291%
Doanh thu HĐTC	6.56	7.90	-17.0%	65.3	28.7	127%
Chi phí TC	29.7	22.1	34.5%	149	111	34.4%
Chi phí lãi vay	26.6	20.2	31.7%	104	117	-10.9%
LN trong công ty LKLD	0.26	0.09	187%	-93.0	0.38	-24852%
Chi phí bán hàng	13.9	14.4	-3.5%	57.3	42.8	33.8%
Chi phí QLDN	13.7	12.5	9.9%	59.0	45.2	30.5%
LN thuần từ HĐKD	2.78	1.33	109%	-591	-14.1	-4088%
Lợi nhuận khác	0.20	0.86	-76.7%	17.0	33.3	-48.9%
LN trước thuế	2.98	2.19	36.0%	-574	19.2	-3087%
Lợi nhuận sau thuế	2.98	0.95	214%	-598	4.10	-14664%
LNST của CĐ cty mẹ	2.83	0.89	219%	-586	3.96	-14912%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	25.4	-350	120	-208	-349	220
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	8.93	-0.65	-2.89	22.7	11.1	13.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	172	204	-127	183	327	-252
Tiền đầu kỳ	63.4	270	124	115	113	102
Lưu chuyển tiền thuần	207	-146	-9.36	-1.66	-11.1	-18.6
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	270	124	115	113	102	83.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,719	3,932	-5.4%
Tài sản ngắn hạn	3,258	3,464	-5.9%
Tiền và tương đương tiền	83.5	102	-18.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.2	78.9	-26.3%
Phải thu ngắn hạn	691	594	16.4%
Hàng tồn kho	2,324	2,573	-9.7%
Tài sản ngắn hạn khác	101	116	-12.6%
Tài sản dài hạn	460	468	-1.6%
Phải thu dài hạn	14.4	14.4	0.0%
Tài sản cố định	313	320	-2.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	17.3	17.2	1.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	111	110	0.2%
Tài sản dài hạn khác	4.76	5.44	-12.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,457	2,674	-8.1%
Nợ ngắn hạn	2,432	2,648	-8.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,786	2,038	-12.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	503	389	29.3%
Nợ dài hạn	25.5	25.5	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,261	1,258	0.2%
Vốn chủ sở hữu	1,261	1,258	0.2%
Vốn điều lệ	1,123	1,123	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

